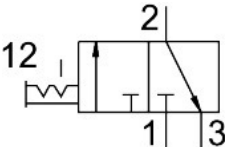


# **Van đóng mở** **MS6N-EM1-1/4-Z** Số bộ phận: 541296

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt xoay                                              |
| Kiểu vận hành                                              | thủ công                                                      |
| Chức năng khí xả                                           | không thể điều tiết                                           |
| Kiểu điều khiển                                            | trực tiếp                                                     |
| Chức năng van                                              | 3/2 lưu ổn định                                               |
| Áp suất vận hành                                           | 0 bar...18 bar                                                |
| Giá trị C                                                  | 10.7 l/s*bar                                                  |
| giá trị b                                                  | 0.56                                                          |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 3000 l/ph                                                     |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]<br>Khí trơ               |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                |
| Phù hợp với thực phẩm                                      | xem thông tin tài liệu bổ xung                                |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý:                   |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                        |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                           |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 580 g                                                         |
| Cổng nối khí nén 1                                         | 1/4 NPT                                                       |
| Cổng nối khí nén 2                                         | 1/4 NPT                                                       |
| Cổng nối khí nén 3                                         | 1/2 NPT                                                       |
| Vật liệu của phốt                                          | TPE-U (PU)                                                    |
| Vật liệu vỏ                                                | Nhôm đúc áp lực                                               |